

CÁC TÌNH TIẾT ĐỊNH KHUNG TĂNG NẶNG TRONG TỘI GIẾT NGƯỜI PHẢN ÁNH ĐỐI TƯỢNG BỊ XÂM HẠI LÀ ĐỐI TƯỢNG CẦN ĐƯỢC BẢO VỆ ĐẶC BIỆT

Đỗ Đức Hồng Hà*

Tội giết người là tội phạm dã man, tàn ác, nó không những gây đau thương tang tóc cho gia đình nạn nhân, phá vỡ tế bào của xã hội mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, tạo tâm lý hoang mang lo sợ cho quần chúng nhân dân. Vì vậy, đường lối xử lý của Nhà nước ta đối với tội giết người là rất nghiêm khắc. Theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự (BLHS) Việt Nam năm 1999: “*Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình*”: *a) Giết nhiều người; b) Giết phụ nữ mà biết là có thai; c) Giết trẻ em; d) Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân; đ) Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình; e) Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng; g) Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác; h) Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân; i) Thực hiện tội phạm một cách man rợ; k) Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp; l) Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người; m) Thuê giết người hoặc giết người thuê; n) Có tính chất côn đồ; o) Có tổ chức; p) Tái phạm nguy hiểm; q) Vi động cơ đê hèn. Căn cứ vào đặc điểm của đối tượng bị xâm hại, tính chất của hành vi, mức độ hậu quả, mức độ lỗi và nhân thân người phạm tội, chúng tôi tạm chia các tình tiết định khung tăng nặng của tội giết người thành bốn nhóm: *Nhóm 1*: Các tình tiết phản ánh đối tượng bị xâm hại là đối tượng cần được bảo vệ đặc biệt; *Nhóm 2*: Các tình tiết phản ánh tính chất của hành vi và mức độ hậu quả; *Nhóm 3*: Các tình tiết phản ánh mức độ lỗi của người phạm tội; *Nhóm 4*: Các tình tiết phản ánh đặc*

điểm về nhân thân người phạm tội ảnh hưởng đến mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội¹. Trong bài viết này, chúng tôi xin trình bày nội dung, cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn và những tồn tại, vướng mắc khi áp dụng các tình tiết phản ánh đối tượng bị xâm hại là đối tượng cần được bảo vệ đặc biệt.

Các tình tiết phản ánh đối tượng bị xâm hại là đối tượng cần được bảo vệ đặc biệt bao gồm: Giết phụ nữ mà biết là có thai; Giết trẻ em; Giết người đang thi hành công vụ; Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình. Đây là những trường hợp giết người mà nạn nhân: *1) Hoặc là người không có khả năng tự vệ hoặc khả năng tự vệ của họ rất hạn chế (phụ nữ có thai, trẻ em), đòi hỏi được chính người phạm tội và những người khác bảo vệ trước sự xâm hại; 2) Hoặc là người đại diện cho quyền lực Nhà nước, thay mặt Nhà nước thực thi nhiệm vụ vì lợi ích chung (người đang thi hành công vụ); 3) Hoặc là người mà can phạm phải kính trọng, phải biết ơn (ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của người phạm tội). Hành vi giết người trong những trường hợp này hoặc đã xâm phạm đến chính sách bảo vệ bà mẹ và trẻ em, xâm phạm nghiêm trọng đến đạo đức xã hội chủ nghĩa (XHCHN) và nguyên tắc nhân đạo trong quan hệ xã hội²; hoặc đã xâm phạm nghiêm trọng đến trật tự công cộng, cản trở hoạt động chung của xã hội; hoặc đã xâm phạm đến đạo lý làm người và truyền thống tốt đẹp của dân tộc nên rõ ràng có mức độ nguy*

^{1, 2} Trường Đại học Luật Hà Nội (2003), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Chủ biên: PGS.TS Nguyễn Ngọc Hòa, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội, trang 213 - 216, 213 - 216

³ Phạm Hồng Hải (1998), “Mấy ý kiến về vấn đề bảo vệ quyền con người trong TTHS ở nước ta”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (số 3), trang 35.

* Thạc sỹ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội

hiểm cho xã hội cao hơn nhiều so với trường hợp giết những đối tượng bình thường khác. Mặt khác, do: 1) Hành vi chống lại hoặc trả thù người thi hành công vụ xảy ra nhiều và ngày càng mang tính chất nghiêm trọng, nếu không chặn đứng tình trạng chống lại người thi hành công vụ thì sẽ dẫn tới hậu quả là “*các nhân viên của các cơ quan bảo vệ pháp luật nhụt ý chí tấn công tội phạm, thiếu tinh thần trách nhiệm, kẻ gian và bọn phạm tội được dịp lộng hành tiếp tục chống đối pháp luật*”³. 2) Trước đây, hành vi con cháu giết ông, bà, cha, mẹ; học trò giết thầy giáo, cô giáo hầu như không có. Tuy nhiên, từ khi đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường, hành vi này đã trở thành một hiện tượng xã hội đáng lo ngại, báo động tình trạng xuống cấp nghiêm trọng về đạo đức và nhân cách. “*Không ít trường hợp vì đồng tiền và danh vị mà chà đạp lên tình nghĩa gia đình, quan hệ thầy trò*”⁴, “*làm cho nhân dân bất bình, đội ngũ giáo viên không yên tâm công tác*”⁵. Để giữ gìn kỷ cương, phép nước và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, việc quy định những trường hợp giết người nguy hiểm này là tình tiết định khung tăng nặng lại càng trở nên cấp bách và cần thiết hơn.

Tuy các tình tiết định khung tăng nặng này đã được quy định trong BLHS nhưng do chưa có văn bản giải thích, hướng dẫn nên khi áp dụng vẫn còn một số tồn tại, vướng mắc đáng lưu ý như sau:

Thứ nhất, tồn tại và vướng mắc liên quan đến tình tiết giết trẻ em

Sinh thời, Bác Hồ kính yêu của chúng ta đã dạy: “*Vì lợi ích mười năm phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm phải trồng người*”. Thấm nhuần lời dạy của Hồ Chủ tịch, Đảng và Nhà nước ta đã dành sự quan tâm sâu sắc tới thế hệ

trẻ, trong đó có thanh thiếu niên nói chung và trẻ em nói riêng. Sự quan tâm này được thể hiện một cách toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực của đời sống văn hoá, kinh tế - xã hội và pháp luật. Nghiên cứu các văn bản pháp luật hình sự của Nhà nước ta trong suốt hơn nửa thế kỷ qua chúng ta thấy, chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta đối với việc xử lý các hành vi giết trẻ em luôn nhất quán và thể hiện tính nghiêm khắc. Trước khi ban hành BLHS năm 1985, trong Bản chuyên đề tổng kết thực tiễn xét xử loại tội giết người ban hành kèm theo Công văn số 452-HS2 ngày 10/8/1970, Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) đã chỉ đạo: “*Không nên coi tình tiết nạn nhân là vị thành niên là tình tiết giảm nhẹ mà cần phê phán khuynh hướng xử nhẹ các trường hợp giết vị thành niên... Không nên nghĩ rằng các em còn nhỏ tuổi, chưa gánh vác được trách nhiệm cho xã hội, cho gia đình cho nên tác hại gây ra không to bằng khi giết người lớn. Các em còn nhỏ nhưng là thế hệ tương lai, là những người sẽ kế tục sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta*”⁶. Như vậy, với tư cách là cơ quan hướng dẫn đường lối xét xử các vụ án hình sự đối với Tòa án các cấp, ngay từ những năm 60 của thế kỷ trước, TANDTC đã tỏ rõ quan điểm: Giết trẻ em không những không được xem là một tình tiết giảm nhẹ mà ngược lại cần phải coi đó là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (TNHS)⁷. Kế thừa truyền thống lập pháp của dân tộc và xuất phát từ cơ sở giết trẻ em có tính nguy hiểm cao hơn so với các trường hợp giết những đối tượng bình thường khác, bởi trẻ em là “*hạnh phúc của gia đình, tương lai của đất nước, là lớp người kế tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”⁸, là người không hoặc khó có điều kiện tự bảo vệ mình và “*do còn non nớt về thể chất và trí tuệ, trẻ em cần*

³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Các Nghị quyết của Trung ương Đảng 1996 - 1999*, (Sách phục vụ thảo luận các dự thảo văn kiện Đại hội IX), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, trang 161.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Các Nghị quyết của Trung ương Đảng 1996 - 1999*, (Sách phục vụ thảo luận các dự thảo văn kiện Đại hội IX), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, trang 161.

⁵ TANDTC (1990), *Các văn bản về hình sự, dân sự và tố tụng*, Hà Nội, trang 102.

⁶ TANDTC (1979), *Hệ thống hoá luật lệ về hình sự*, Tập 1 (1945 - 1974), Hà Nội, trang 111

⁷ Phạm Hồng Hải (2003), “*Các quy định của pháp luật về hoạt động phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em - thực trạng và phương hướng hoàn thiện*”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (số 2), trang 55 - 56.

⁸ Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia (1998), *Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ngày 12/8/1991*, Hà Nội, trang 3 - 4.

được bảo vệ... đặc biệt”⁹. BLHS năm 1999 đã bổ sung tình tiết định khung tăng nặng “Giết trẻ em” vào tội giết người. Sự bổ sung này không chỉ nhằm trừng trị nghiêm khắc những người có hành vi giết trẻ em, góp phần ngăn chặn tình trạng xâm phạm tính mạng của trẻ em đang có xu hướng gia tăng mà còn nhằm bảo đảm thực hiện các quy định khác của pháp luật cũng như các Công ước quốc tế mà Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam tham gia hoặc ký kết về bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

Vì tình tiết “Giết trẻ em” là tình tiết định khung tăng nặng mới được quy định trong tội giết người và vì chưa có văn bản hướng dẫn áp dụng cho nên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử còn một số tồn tại, vướng mắc sau đây cần sớm được tháo gỡ: 1) Việc áp dụng tình tiết định khung tăng nặng này được giải quyết theo nguyên tắc nào nếu gặp trường hợp không có sự phù hợp giữa thực tế khách quan (đối tượng bị xâm hại là trẻ em) và ý thức chủ quan của người phạm tội (tưởng và cho rằng đối tượng bị xâm hại không phải là trẻ em)? 2) Việc xác định tuổi và cách tính tuổi của nạn nhân trong các vụ án giết người được giải quyết như thế nào nếu như không có bất cứ một giấy tờ gì chứng minh tuổi của nạn nhân hoặc tuy có nhưng không đáng tin cậy?

1- Trường hợp không có sự phù hợp giữa thực tế khách quan (đối tượng bị xâm hại) với ý thức chủ quan của người phạm tội

Hiện nay, trong khoa học pháp lý hình sự còn có nhiều quan điểm khác nhau khi áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “Giết trẻ em”. *Quan điểm thứ nhất cho rằng*, chỉ áp dụng tình tiết này nếu thoả mãn hai điều kiện: 1) Về khách quan, nạn nhân là trẻ em và 2) Về chủ quan, người phạm tội biết rõ nạn nhân là trẻ em. *Quan điểm thứ hai lại cho rằng*, tình tiết định khung tăng nặng “Giết trẻ em” không phải là tình tiết thuộc ý thức chủ quan của người phạm tội mà là tình tiết thuộc mặt khách quan do đó, không cần người phạm tội phải

nhận thức được đối tượng mà mình xâm hại là trẻ em¹⁰. Như vậy, nếu theo quan điểm thứ nhất thì chỉ khi có đầy đủ cơ sở khách quan (nạn nhân là trẻ em) và chủ quan (người phạm tội biết nạn nhân là trẻ em) mới áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “Giết trẻ em”. Còn nếu theo quan điểm thứ hai thì bất kể thái độ chủ quan của người phạm tội là gì (biết hay không biết đối tượng bị xâm hại là trẻ em, muốn hay không muốn giết trẻ em) nếu nạn nhân là trẻ em thì đều bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “Giết trẻ em”.

Mỗi quan điểm trên đây, theo chúng tôi đều có hạt nhân hợp lý của nó song chưa thật đầy đủ và chưa thật thuyết phục. Tuyệt đối hoá một quan điểm nào trên đây đều không giải quyết đúng đắn TNHS của người phạm tội. Về nguyên tắc, người phạm tội chỉ bị truy cứu TNHS về hành vi nguy hiểm cho xã hội mà mình đã thực hiện khi và chỉ khi có đầy đủ các cơ sở khách quan và chủ quan của TNHS. Truy cứu TNHS người nào đó về tình tiết định khung tăng nặng “Giết trẻ em” cũng không có ngoại lệ, không nằm ngoài nguyên tắc này. Trong trường hợp người phạm tội có sai lầm thì vấn đề TNHS của họ phải được giải quyết theo nguyên tắc sai lầm¹¹. Cụ thể là: 1) Nếu có sự thống nhất giữa thực tế khách quan (đối tượng bị giết là trẻ em) và ý thức chủ quan của người phạm tội (biết nạn nhân là trẻ em) thì người phạm tội phải chịu TNHS về tình tiết định khung tăng nặng “Giết trẻ em”. 2) Nếu người phạm tội không quan tâm đối tượng bị giết là trẻ em hay không phải là trẻ em và đều mong muốn gây ra cái chết cho nạn nhân thì chia làm hai trường hợp: a) Nếu xác định thực tế đối tượng bị giết là trẻ em thì người phạm tội phải chịu TNHS về tình tiết định khung tăng nặng “Giết trẻ em”; b) Nếu xác định thực tế đối tượng bị giết không phải là trẻ em thì người phạm tội không phải chịu TNHS về tình tiết định khung tăng nặng này. 3) Trường hợp

¹⁰ Đinh Văn Quế (2002), *Bình luận khoa học BLHS, Phần các tội phạm, Tập 1, Bình luận chuyên sâu*, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh, trang 32, 35.

¹¹ Phạm Văn Bầu (2002), “Phạm tội đối với trẻ em - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Luật học*, (số 3), trang 3 - 8.

có sự không phù hợp giữa thực tế khách quan với ý thức chủ quan nhưng sự lầm tưởng của người phạm tội là có căn cứ được chứng minh qua các biểu hiện trước, trong và sau khi phạm tội cũng như các biểu hiện bên ngoài khác của nạn nhân, quan hệ giữa người phạm tội với nạn nhân, hoàn cảnh xảy ra sự việc... thì áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “*Giết trẻ em*” theo ý thức chủ quan. Cụ thể là: **a)** Thực tế khách quan đối tượng bị giết là trẻ em nhưng ý thức chủ quan của người phạm tội lại lầm tưởng không phải là trẻ em thì người phạm tội không phải chịu TNHS về tình tiết định khung tăng nặng này; **b)** Thực tế khách quan đối tượng bị giết không phải là trẻ em nhưng ý thức chủ quan của người phạm tội lại lầm tưởng là trẻ em và mong muốn gây ra cái chết cho nạn nhân thì người phạm tội vẫn phải chịu TNHS về tình tiết định khung tăng nặng “*Giết trẻ em*”. **4)** Trường hợp người phạm tội không khai ý thức chủ quan của mình và sự lầm tưởng là không có căn cứ thì: **a)** Nếu xác định thực tế đối tượng bị giết là trẻ em thì người phạm tội phải chịu TNHS về tình tiết định khung tăng nặng “*Giết trẻ em*”; **b)** Nếu xác định thực tế đối tượng bị giết không phải là trẻ em thì người phạm tội không phải chịu TNHS về tình tiết định khung tăng nặng này. Chấp nhận các hướng giải quyết khác nhau trên đây sẽ bảo đảm được tính có căn cứ, tính công minh của pháp luật hình sự Việt Nam, đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn vốn rất đa dạng và phức tạp. Việc tuyệt đối hoá cách giải quyết nào đó, theo chúng tôi đều là hữu khuynh và điều đó sẽ dẫn đến những quyết định không thấu tình, đạt lý¹².

2- Việc xác định tuổi và cách tính tuổi của nạn nhân trong các vụ án giết trẻ em

Thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội giết người mà nạn nhân là trẻ em còn tồn tại một vấn đề hết sức phức tạp nữa là việc xác định tuổi và cách tính tuổi của nạn nhân khi nạn nhân không có bất cứ giấy tờ gì để chứng minh độ tuổi của họ hoặc tuy có một số giấy tờ

nhưng lại không đáng tin cậy như chỉ có bản sao giấy khai sinh quá hạn hay chỉ có giấy khai sinh mà khi đi học hay khi thi chuyển cấp mới xin... Giám định pháp y với trình độ chuyên môn và kỹ thuật như hiện nay ở nước ta khó có thể xác định được chính xác năm sinh chứ chưa nói đến tháng sinh của nạn nhân¹³. Trong một số trường hợp phức tạp, Cơ quan giám định chỉ có thể đưa ra kết luận tuổi của nạn nhân là khoảng từ 15 đến 16 tuổi nhưng đối với pháp luật, căn cứ để xác định có hay không có TNHS không thể là khoảng từ 15 tuổi đến 16 tuổi được. Nếu chấp nhận kết luận này của giám định pháp y thì biết lấy tuổi nào của nạn nhân làm căn cứ cho việc truy cứu hay không truy cứu TNHS đối với người có hành vi giết trẻ em? Giả sử người phạm tội giết nạn nhân mà theo kết luận giám định pháp y thì nạn nhân là người trong độ tuổi từ 15 đến 16 tuổi. Nếu lấy tuổi 15 làm căn cứ thì người phạm tội bị truy cứu TNHS về tình tiết định khung tăng nặng “*Giết trẻ em*” nhưng nếu lấy tuổi 16 làm căn cứ thì người phạm tội lại không bị truy cứu TNHS về tình tiết định khung tăng nặng này. Trong trường hợp chỉ xác định được năm sinh mà không xác định được tháng sinh hoặc tuy xác định được tháng sinh nhưng không xác định được ngày sinh thì có thể xác định tuổi của nạn nhân theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 05/01/1986 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hay không? Theo Nghị quyết này, nếu không xác định được chính xác ngày sinh thì tính ngày sinh theo ngày cuối cùng của tháng và nếu cũng không có điều kiện xác định chính xác tháng sinh thì ngày sinh là ngày 31 tháng 12 của năm sinh¹⁴. Theo chúng tôi, Nhà nước ta cần sớm có thái độ rõ ràng về cách tính tuổi của nạn nhân trong các trường hợp nêu trên. Trong khi chưa có văn bản giải thích chính thức thì nên chấp nhận các hướng giải quyết sau đây: **1)** Nếu có các giấy tờ hợp lệ chứng minh ngày, tháng, năm sinh của nạn

¹² Phạm Văn Báu (2002), “Phạm tội đối với trẻ em - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Luật học*, (số 3), trang 3 – 8.

¹³ Phạm Văn Báu (2002), “Phạm tội đối với trẻ em - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Luật học*, (số 3), trang 3 – 8.

¹⁴ Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia (1998), *Hệ thống hoá các quy định pháp luật về hình sự*, Hà Nội, trang 234

nhân thì giấy tờ đó là căn cứ để xác định tuổi của nạn nhân; 2) Nếu không có các giấy tờ chứng minh hoặc tuy có nhưng không hợp lệ, không đáng tin cậy thì cần áp dụng đồng bộ nhiều biện pháp như xác minh, giám định, đối chất... để biết tuổi thật của nạn nhân; 3) Nếu không xác định được ngày sinh thì ngày sinh sẽ là ngày cuối cùng của tháng, nếu không xác định được tháng sinh thì ngày sinh là ngày 31 tháng 12 của năm sinh (như hướng dẫn tại Nghị quyết số 02 nói trên)¹⁵.

Thứ hai, tồn tại và vướng mắc liên quan đến tình tiết giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình

Tình tiết “Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình” là tình tiết định khung tăng nặng mới được quy định trong tội giết người và vì chưa có văn bản hướng dẫn nên khi áp dụng còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau. Cụ thể là:

- Đối với trường hợp “Giết ông, bà, cha, mẹ... của mình”: Quan điểm thứ nhất cho rằng: Chỉ áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “Giết ông, bà, cha, mẹ... của mình” trong trường hợp người phạm tội giết ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi của mình, còn giết ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi của vợ hay của chồng thì không bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng này. Quan điểm này được thể hiện trong vụ án sau đây: Lê Văn Dẽ và Đặng Thị Hợi thành hôn vào năm 1977 và đã có sáu người con. Đến đầu tháng 4 năm 2001, vì mâu thuẫn nên Dẽ thường xuyên kiểm chuyện, đánh đập chị Hợi. Không chịu đựng nổi, chị Hợi phải đến nhà em ruột là Phạm Văn Dũng trú tại xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre để ở nhờ. Sau khi chị Hợi bỏ đi, Dẽ tức giận, nhiều lần đến nhà bà Trần Thị Tám (mẹ vợ của Dẽ trú tại ấp 2, xã An Hiệp, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre) để tìm chị Hợi nhưng không gặp. Từ đó, Dẽ nghi ngờ bà Tám chứa chấp, che giấu chị Hợi nên đe dọa sẽ giết bà Tám. Khoảng 23 giờ ngày

16/4/2001, Lê Văn Dẽ đi đến nhà bà Trần Thị Tám. Đến nơi, thấy cửa hé mở, Dẽ chui qua khe cửa, dùng hai tay chụp lấy hai chân chiếc ghế đầu bằng gỗ đánh mạnh vào đầu bà Tám làm bà ngã xuống đất. Tiếp đó, Dẽ đến cạnh góc nhà ngoài sân nhặt một đoạn gỗ vuông dài 42 cm đánh mạnh vào đầu bà Tám nhiều cái, đồng thời dùng chân phải đạp mạnh vào ngực, vào bụng bà Tám cho đến nạn nhân tử vong do bị chấn thương sọ não, tụ máu dưới màng cứng, vỡ gan, thủng ruột non. Trong vụ án này, bị cáo Lê Văn Dẽ tuy đã giết mẹ nhưng cả Viện Kiểm sát nhân dân (VKSND) lẫn Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Bến Tre đều không áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “Giết... mẹ... của mình” vì cho rằng nạn nhân chỉ là mẹ vợ chứ không phải là mẹ đẻ của bị cáo¹⁶. Quan điểm thứ hai lại cho rằng: Giết ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi của mình hay của vợ hoặc của chồng đều bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “Giết ông, bà, cha, mẹ... của mình”. Quan điểm này được thể hiện trong vụ án sau đây: Nguyễn Văn Thanh sinh năm 1968 tại xã Bình Nghĩa, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Do mâu thuẫn với gia đình bố mẹ vợ, khoảng 22 giờ ngày 16/12/1999, Thanh đã dùng dao bầu đâm chết bố vợ, mẹ vợ và vợ. Vì hành vi phạm tội như trên, Nguyễn Văn Thanh đã bị TAND tỉnh Hà Nam xử phạt tử hình về tội giết người với tình tiết định khung tăng nặng “Giết... cha, mẹ... của mình”¹⁷.

Trong hai quan điểm trên, chúng tôi ủng hộ quan điểm thứ hai. Bởi vì, đã là ông, bà, cha, mẹ thì dù là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi của mình hay của vợ hoặc của chồng cũng cần phải được kính trọng và biết ơn. Do đó, người nào giết ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi của mình hay của vợ hoặc của chồng đều phải bị trừng trị nghiêm khắc. Quan điểm này đã được thể hiện rất rõ ngay từ thời phong kiến tại Điều 416 Bộ

¹⁵ Phạm Văn Báu (2002), “Phạm tội đối với trẻ em - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Luật học*, (số 3), trang 3 - 8

¹⁶ TAND tỉnh Bến Tre (2001), Bản án hình sự sơ thẩm số 52/HSST ngày 05/6/2001.

¹⁷ TAND tỉnh Hà Nam (2000), Bản án hình sự sơ thẩm số 09/HSST ngày 31/3/2000.

luật Hồng Đức: “*Những kẻ mưu giết những bậc tôn trưởng vào hạng cơ thân (họ hàng thân thích phải để tang một năm), ông bà ngoại, chồng và ông bà, cha mẹ chồng, đều phải tội chém...*”¹⁸ và Điều 3 Quyển 14 Phần “Nhân mạng” Bộ luật Gia Long: “*Phàm mưu sát ông bà, cha mẹ và tôn trưởng trong vòng thân thuộc, ông bà ngoại chồng, cả đến ông bà nội cha mẹ, đã thi hành, không cần biết bị thương hay không, kẻ cháu con dự mưu không chia thủ phạm, từng phạm đều xử chém. Còn như đã giết thì xử tử hình bằng lăng trì*”¹⁹. Việc BLHS năm 1999 bổ sung tình tiết định khung tăng nặng “*Giết ông, bà, cha, mẹ... của mình*” vào tội giết người chứng tỏ sự kế thừa truyền thống lập pháp của cha ông, nhằm giáo dục ý thức tôn trọng ông, bà, cha, mẹ; bảo vệ và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc “*Uống nước nhớ nguồn*”; trừng trị nghiêm khắc những người đã giết chính ông, bà, cha, mẹ của mình. Tuy nhiên, để việc xét xử được dễ dàng và thống nhất, các cơ quan có thẩm quyền cần ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng tình tiết định khung tăng nặng này theo hướng: Giết ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi của mình hay của vợ hoặc của chồng đều bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “*Giết ông, bà, cha, mẹ... của mình*”.

- *Đối với trường hợp “Giết... thầy giáo, cô giáo của mình”*: Quan điểm thứ nhất cho rằng: Chỉ áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “*Giết... thầy giáo, cô giáo của mình*” nếu thoả mãn hai điều kiện: *Một là*: Nạn nhân là thầy giáo, cô giáo của người phạm tội, thuộc hệ thống công lập; *Hai là*: Nguyên nhân phát sinh hành vi giết người phải xuất phát từ mối quan hệ thầy trò như: giết thầy vì bị thầy cho điểm kém; giết cô vì cô đã không cho mình thi... *Quan điểm thứ hai lại cho rằng*: Chỉ áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “*Giết... thầy giáo, cô giáo của mình*” nếu thoả mãn hai

điều kiện: *Một là*: Nạn nhân là thầy giáo, cô giáo của người phạm tội, thuộc hệ thống công lập, dân lập hay các hình thức đào tạo khác như gia sư, truyền nghề...; *Hai là*: Người phạm tội giết nạn nhân với động cơ phản trắc²⁰.

Theo chúng tôi, mỗi quan điểm trên đây đều có hạt nhân hợp lý của nó song chưa thật đầy đủ và chưa thật thuyết phục. Bởi vì: *1)* Đã là thầy giáo, cô giáo của mình thì dù thuộc hệ thống công lập, dân lập hay các hình thức đào tạo khác như gia sư, truyền nghề... cũng cần phải được kính trọng và biết ơn, như cổ nhân đã dạy: “*Nhất tự vi sư, bán tự vi sư*” (Một chữ cũng nhờ thầy, nửa chữ cũng nhờ thầy). *2)* Giết thầy giáo, cô giáo của mình thì dù có động cơ hay không có động cơ, dù động cơ có liên quan đến công việc giảng dạy của nạn nhân hay không liên quan đến công việc giảng dạy của nạn nhân thì cũng đều đáng bị lên án, đáng bị trừng trị nghiêm khắc như trường hợp giết ông, bà, cha, mẹ. Hơn nữa, nếu người nào giết thầy giáo, cô giáo của mình để trả thù hoặc để cản trở nạn nhân thực thi công vụ thì ngoài tình tiết “*Giết... thầy giáo, cô giáo của mình*” họ còn bị áp dụng thêm tình tiết “*Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân*”. Để việc xét xử được dễ dàng và thống nhất, các cơ quan có thẩm quyền cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng tình tiết định khung tăng nặng này theo hướng: Chỉ áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “*Giết... thầy giáo, cô giáo của mình*” khi thoả mãn hai điều kiện: *Một là*, nạn nhân (đã hoặc đang) là thầy giáo, cô giáo của người phạm tội thuộc hệ thống công lập, dân lập hay các hình thức đào tạo khác như gia sư, truyền nghề...; *Hai là*, nạn nhân không có xử sự gì sai trái đối với người phạm tội.

Trên đây là nội dung, cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn và những tồn tại, vướng mắc khi áp dụng các tình tiết định khung tăng nặng trong tội giết người phản ánh đối tượng bị xâm hại là đối tượng cần được bảo vệ đặc biệt. Xin giới thiệu để bạn đọc tham khảo, trao đổi./.

¹⁸ Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia (1995), *Quốc triều Hình luật (Luật Hình triều Lê - Luật Hồng Đức)*, thành phố Hồ Chí Minh, trang 155.

¹⁹ Nguyễn Văn Thành - Vũ Trinh - Trần Hựu (1995), *Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long)*, Từ tập I đến tập V, Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin, TPHCM, tr. 673.

²⁰ Đinh Văn Quế (2002), *Bình luận khoa học BLHS, Phần các tội phạm, Tập 1, Bình luận chuyên sâu*, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh, trang 32, 35.